TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20-11-2019
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh

2. Ông Nguyễn Việt Thắng

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phan Việt Xô - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 716/2019/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 5, khu p, phường K, huyện T, tỉnh Bình Dương
Bị đơn: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Trú tại: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện bà Trần Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Văn L sống chung từ năm 1990, hôn nhân do bà tự nguyện lựa chọn, nhưng không có đăng ký kết hôn, bà và ông L không còn sống chung 12 năm.

Lý do bà yêu cầu ly hôn: Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều bất đồng. Bà không còn tình cảm với ông L. Nay, bà yêu cầu ly hôn ông Huỳnh Văn L.

Về con chung: Bà và ông L có 3 người con chung gồm: Huỳnh Hoài P, sinh năm 1992, Huỳnh Kiều D, sinh năm 1994 và Huỳnh Diễm M, sinh năm 1998. Ba người con chung đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Huỳnh Văn L tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Huỳnh Văn L không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ông Huỳnh Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn bà Trần Thị C.

Về con chung: Ông và bà C có 3 người con chung như bà C trình bày. Ba người con chung đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà C tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà C không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị C, ông Huỳnh Văn L yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt ông L, bà C theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Thị C và ông Huỳnh Văn L chung sống với nhau từ năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, bà Trần Thị C và ông Huỳnh Văn L không được công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông L và bà C có 3 người con chung gồm: Huỳnh Hoài P, sinh năm 1992, Huỳnh Kiều D, sinh năm 1994 và Huỳnh Diễm M, sinh năm 1998. Cả 03 người con chung đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm nuôi con của ông L và bà C.

[5] Về tài sản chung: Bà C và ông L tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà C và ông L không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình. Ông L không phải án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị C và ông Huỳnh Văn L là vợ chồng.

2/ Về án phí: Bà Trần Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, bà C có nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002852, ngày 07 tháng 11 năm 2019, được chuyển thu đối trừ. Ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông L, bà C được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Minh Trung